TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2018
V/v Kiện xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Viết Oanh

Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 778/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2017 về việc "*Kiện xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tống Như Tr - Sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Số 146, Tổ 4, Khối 4, phường Kh X, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 146, Tổ 4, Khối 4, phường Kh X, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tống Như Tr trình bày như sau:

Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian sống chung vợ chồng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, cãi vã, anh T hay nhậu nhẹt, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là các cháu: Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày: 11/10/2003; Nguyễn T, sinh ngày: 29/9/2005; Nguyễn L, sinh ngày: 29/9/2005.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là cháu Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày: 11/10/2003 và không yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Nguyễn T, sinh ngày: 29/9/2005 và Nguyễn L, sinh ngày: 29/9/2005 hiện nay các cháu đang ở với anh T nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi và cô Tống Như Tr tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 01/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là các cháu: Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày: 11/10/2003; Nguyễn T, sinh ngày: 29/9/2005; Nguyễn L, sinh ngày: 29/9/2005. Hiện nay cháu D ở với cô Tr, còn cháu T và L ở với tôi.

Thời gian sống chung vợ chồng đôi khi có cãi nhau nhưng không có gì nghiêm trọng vì tôi hay nhậu nhẹt. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi muốn đoàn tụ gia đình.

Nếu cô Tr cương quyết xin ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân gia đình, Điều 27 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tống Như Tr: Chị Tống Như Tr được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày: 11/10/2003 cho chị Tống Như Tr chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn T, sinh ngày: 29/9/2005; Nguyễn L, sinh ngày: 29/9/2005 cho anh Nguyễn Văn Toàn chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Các đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung,

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "*Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 01/8/2013 chị Tống Như Tr và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, thương yêu nhau. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Qúa trình chung sống chị Tống Như Tr và anh Nguyễn Văn T cho biết vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, anh toàn hay nhậu nhẹt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, đoàn thể hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm chăm sóc nhau.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng chị Tống Như Tr và anh Nguyễn Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã được địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành, nay chị Tống Như Tr xin ly hôn anh Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng chị Tống Như Tr và anh Nguyễn Văn T không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, nguyện vọng của chị Tống Như Tr xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị Tống Như Tr và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là các cháu Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày 11/10/2003; Nguyễn T, sinh ngày 29/9/2005; Nguyễn L, sinh ngày 29/9/2005. Quá trình điều tra các đương sự có tranh chấp về nuôi con và đều yêu cầu được nuôi con chung, căn cứ vào nguyện vọng của cháu Tống Nữ Mỹ D được ở với mẹ, cháu Nguyễn T và cháu Nguyễn L nguyện vọng ở với bố. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của các cháu giao cháu Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày 11/10/2003 cho chị Tống Như Tr chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 29/9/2005; Nguyễn L, sinh ngày 29/9/2005 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung phù hợp các quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Tống Như Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tống Như Tr. Chị Tống Như Tr được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Tống Nữ Mỹ D, sinh ngày: 11/10/2003 cho chị Tống Như Tr chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn T, sinh ngày: 29/9/2005; Nguyễn L, sinh ngày: 29/9/2005 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung,

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Tống Như Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001027 ngày 04/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết, nhận bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;*
- *Chi cục THADS TP.BMT;*
- *UBND phường Khánh Xuân, TP. BMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên